

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ SINH HỌC

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
SH04001: THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP 1 (PROFESSIONAL INTERNSHIP)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 5
- Tín chỉ: 05 (Lý thuyết 0 - Thực hành 05)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập
 - + Thực tập, thực tế ngoài trường: 70 tiết
 - + Thuyết trình và thảo luận trên lớp: 05 tiết
- Giờ tự học: 225 tiết (theo kế hoạch cá nhân và hướng dẫn của giảng viên)
- Đơn vị phụ trách:
 - Khoa: Công nghệ sinh học
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương ☐		Cơ sở ngành ☐		Chuyên ngành ☒	
Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
☐	☐	☐	☐	☒	☐

- Học phần tiên quyết: Di truyền học đại cương (SH02004), Vi sinh vật đại cương (SH01002), Thực vật học (NH02001)
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh ☐ Tiếng Việt ☒

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

*** Mục tiêu của học phần:**

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau như:

- Thực tiễn nghề nghiệp: cơ cấu tổ chức, qui mô và lĩnh vực hoạt động, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất kinh doanh, thực trạng sản xuất và quản lý sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ sinh học của thế giới nghề nghiệp.
- Thiết kế các chương trình nghiên cứu **đơn giản** phục vụ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực CNSH

Học phần rèn cho sinh viên các kỹ năng như sau:

- Làm quen với thị trường lao động (nhà tuyển dụng, khách hàng, đồng nghiệp, người lao động...),
- Tạo dựng và mở rộng mối quan hệ trong lĩnh vực nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.
- Thực hiện các **kỹ thuật cơ bản** của ngành (các kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu sinh học, tế bào, sinh lý thực vật, vi sinh vật, sinh học phân tử...)
- Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo vào giải quyết các vấn đề chuyên môn đơn giản về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ một cách hiệu quả.

- Lập kế hoạch và thực hiện công việc đã đề ra
- Viết và trình bày báo cáo kết quả công việc

Học phần rèn cho sinh viên thái độ như sau:

- Tuân thủ luật pháp và các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp
- Khiêm tốn, trung thực và có tác phong làm việc tốt, có tinh thần trách nhiệm cao.
- Chủ động, sáng tạo; ham học hỏi; có ý thức tích lũy kiến thức và tự học tập suốt đời

*** Kết quả học tập mong đợi của chương trình cử nhân Công nghệ sinh học:**

Kết quả học tập mong đợi của chương trình Cử Nhân CNSH Sau khi hoàn tất chương trình sinh viên có thể:	
Kiến thức tổng quát	CĐR 1: Áp dụng kiến thức toán, khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, luật pháp và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại vào ngành CNSH.
	CĐR 2: Phân tích nhu cầu và yêu cầu của các bên liên quan về sản phẩm CNSH phục vụ quản lý, sản xuất và kinh doanh.
Kiến thức chuyên môn	CĐR 3: Đánh giá chất lượng các sản phẩm CNSH theo các tiêu chuẩn an toàn sinh học, bảo vệ môi trường, luật pháp và đạo đức.
	CĐR 4: Phát triển ý tưởng các sản phẩm CNSH dựa trên nền tảng kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học sự sống và sự phân tích nhu cầu xã hội.
	CĐR 5: Thiết kế các mô hình sản xuất các sản phẩm CNSH
Kỹ năng tổng quát	CĐR 6: Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và sản xuất trong ngành CNSH một cách hiệu quả.
	CĐR 7: Làm việc nhóm đạt mục tiêu đề ra ở vị trí là thành viên hay người lãnh đạo.
	CĐR 8: Giao tiếp đa phương tiện trong các bối cảnh đa dạng của nghề nghiệp một cách hiệu quả; đạt chuẩn tiếng Anh theo qui định của Bộ GD&ĐT.
Kỹ năng chuyên môn	CĐR 9: Sử dụng công nghệ thông tin và trang thiết bị phục vụ hiệu quả quản lý, sản xuất và kinh doanh trong ngành CNSH.
	CĐR 10: Vận dụng phù hợp các phương pháp, kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong NCKH và khảo sát các vấn đề của thực tiễn nghề nghiệp.
	CĐR 11: Thực hiện thành thạo các qui trình kỹ thuật cơ bản và chuyên sâu trong ngành công nghệ sinh học
	CĐR 12: Tư vấn về các sản phẩm công nghệ sinh học cho khách hàng và đối tác với quan điểm kinh doanh tích cực.
Thái độ	CĐR 13: Tuân thủ luật pháp về CNSH và các nguyên tắc về an toàn nghề nghiệp trong môi trường làm việc.
	CĐR 14: Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thực hiện trách nhiệm nâng cao sức khỏe cho con người và bảo vệ môi trường.
	CĐR 15: Thực hiện thói quen cập nhật kiến thức và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn

*** Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT							
SH04001	Thực tập nghề nghiệp 1	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7	CĐR8
			P			P	P	R	
		CĐR9	CĐR10	CĐR11	CĐR12	CĐR13	CĐR14	CĐR15	
				R		R	R	R	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CĐR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Trình bày về thực tiễn nghề nghiệp: cơ cấu tổ chức, qui mô và lĩnh vực hoạt động, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất kinh doanh, thực trạng sản xuất và quản lý sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ sinh học của thế giới nghề nghiệp.	CĐR2
K2	Thiết kế các chương trình nghiên cứu đơn giản phục vụ sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thuộc lĩnh vực CNSH	CĐR5
Kỹ năng		
K3	Vận dụng tư duy phản biện, sáng tạo vào giải quyết các vấn đề chuyên môn đơn giản về nghiên cứu, chuyển giao công nghệ một cách hiệu quả.	CĐR6
K4	Làm quen với thị trường lao động (nhà tuyển dụng, khách hàng, đồng nghiệp, người lao động...), tạo dựng và mở rộng mối quan hệ trong lĩnh vực nghề nghiệp để tìm kiếm cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp và làm việc nhóm đạt mục tiêu đề ra.	CĐR7
K5	Thực hiện các thao tác kỹ thuật cơ bản trong công nghệ sinh học	CĐR11
Thái độ		
K6	Tuân thủ luật pháp và các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp	CĐR13
K7	Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp và thực hiện trách nhiệm xã hội	CĐR14
K8	Chủ động cập nhật và tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ	CĐR15

III. Nội dung tóm tắt của học phần

SH04001 Thực tập nghề nghiệp 1 (Professional Internship 1) (05TC : 0 – 05 - 15).

Học phần gồm các nội dung sau:

- Xây dựng kế hoạch thực tập;
- Tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp (cơ sở thực tập): cơ cấu tổ chức, qui mô và lĩnh vực hoạt động, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất kinh doanh, thực trạng sản xuất và quản lý sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ sinh học của thực tiễn nghề nghiệp;
- Tìm hiểu các qui trình kỹ thuật áp dụng trong sản xuất tại cơ sở thực tập;

- Tham gia trực tiếp các công việc chung và công việc chuyên môn (**các kỹ thuật cơ bản** trong nghiên cứu sinh học, tế bào, sinh lý thực vật, vi sinh vật, sinh học phân tử..) tại cơ sở;
- Tổng hợp và xử lý số liệu, viết báo cáo và trình bày báo cáo tại buổi báo cáo tổng kết (seminar).
- Sinh viên có thể lựa chọn các hướng thực tập nghề như sau: Công nghệ sinh học thực vật, Công nghệ sinh học động vật, Công nghệ vi sinh, Nông nghiệp công nghệ cao, Công nghệ sinh học nấm ăn nấm dược liệu.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- Hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực tập
- Hướng dẫn thực tập các kỹ thuật **cơ bản** trong nghiên cứu sinh học, tế bào, sinh lý thực vật, vi sinh vật, sinh học phân tử.. tại cơ sở
- Tư vấn viết và báo cáo kết quả thực tập.
- Thảo luận, hướng dẫn, tư vấn trực tuyến

2. Phương pháp học tập

- Nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu về thế giới nghề nghiệp
- Thực hành các kỹ thuật cơ bản trong nghiên cứu sinh học
- Xử lý tình huống
- Phát hiện và giải quyết các vấn đề đơn giản trong quá trình thực tập
- Làm việc nhóm, thảo luận, trao đổi ý tưởng
- Viết kế hoạch thực tập, viết báo cáo kết quả thực tập.
- Thảo luận, tư vấn, báo cáo trực tuyến

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tập huấn để được hướng dẫn TTNN và thực hiện theo đúng hướng dẫn.
- Lựa chọn cơ sở thực tập dưới sự tư vấn của giáo viên hướng dẫn
- Tham gia tích cực vào quá trình chuẩn bị cho đợt TTNN. Cụ thể: chuẩn bị kế hoạch thực tập của nhóm, trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu và mong muốn cá nhân đạt được trong thời gian thực tập tại cơ sở. Cần liên hệ thường xuyên với trưởng đoàn thực tập và giảng viên hướng dẫn để được hướng dẫn và tư vấn kịp thời.
- Liên hệ với cơ sở thực tập (giảng viên hướng dẫn tại cơ sở) để được tư vấn thêm về nội dung thực tập làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch thực tập nhóm và cá nhân.
- Lập kế hoạch thực tập (theo mẫu) trong đó chỉ rõ cơ sở và địa điểm thực tập, loại công việc tiến hành và thời gian biểu cụ thể cho các hoạt động trong đợt thực tập và thông qua 2 giáo viên hướng dẫn (ở trường và ở cơ sở thực tập).
- Nộp bản kế hoạch thực tập đã thông qua giảng viên hướng dẫn cho trưởng đoàn thực tập phê duyệt.
- Đáp ứng đầy đủ các quy định về các thủ tục cần thiết cho đợt TTNN.
- Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của Học viện và cơ sở thực tập trong thời gian TTNN.
- Có mối quan hệ tốt với cơ sở thực tập và giảng viên hướng dẫn tại cơ sở.
- Thường xuyên ghi chép nhật ký thực tập
- Tổng hợp thông tin, số liệu và viết báo cáo thu hoạch (theo mẫu).

- Đánh giá chéo giữa các sinh viên trong nhóm.
- Nộp hồ sơ thực tập nghề nghiệp (gồm kế hoạch thực tập, nhật ký thực tập, sổ liệu thô, báo cáo nhóm, nhận xét của cơ sở thực tập, điểm đánh giá chéo sinh viên trong nhóm...) cho giảng viên hướng dẫn.
- Tham dự, trình bày và thảo luận kết quả TTNN ở buổi seminar.
- Cài đặt phần mềm học tập, thực hiện các yêu cầu của giảng viên về Thảo luận, tư vấn, báo cáo trực tuyến trực tuyến.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

- Đánh giá của GVHD cơ sở: 20%
- Đánh giá báo cáo TTNN: 30%
- Đánh giá hồ sơ TTNN: 20%
- Đánh giá thuyết trình: 30%

3. Phương pháp đánh giá

Tóm tắt các phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)
Đánh giá quá trình		
Rubric 1 – Đánh giá của GVHD cơ sở	K2, K3, K4, K5, K8	20
Rubric 2 – Đánh giá báo cáo TTNN	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7, K8	30
Rubric 3 - Đánh giá hồ sơ TTNN	K1, K2, K3, K6, K7, K8	20
Rubric 4: Đánh giá thuyết trình	K1, K2, K3, K4, K6, K7, K8	30

4. Rubric

Rubric 1: Đánh giá của giáo viên hướng dẫn tại cơ sở

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Chuyên cần	10	Tham gia đầy đủ	Vắng <10%	Vắng <20%	Vắng trên 20%
Đạo đức nghề nghiệp	05	Tuân thủ nội qui	Có sai sót nhỏ	Có sai sót quan trọng nhưng đã sửa đổi theo góp ý	Sai sót và không sửa theo góp ý
	05	Tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Thực hiện nghiêm túc phần lớn công việc được giao	Thực hiện phần lớn công việc được giao nhưng đôi khi còn lơ là	Thiếu trách nhiệm
Năng lực giao tiếp	20	Chủ động giao tiếp tốt với các đối	Giao tiếp với các đối tác khác nhau	Giao tiếp kém với các đối tác khác	Không giao tiếp, không trình bày được

		tác khác nhau trong công việc; trình bày lưu loát các vấn đề chuyên môn; có tinh thần học hỏi, cầu thị trong chuyên môn	trong công việc, đôi khi còn dè dặt trong giao tiếp; Có khả năng trình bày các vấn đề chuyên môn, có tinh thần học hỏi, cầu thị trong chuyên môn	nhau trong công việc; Khả năng trình bày các vấn đề chuyên môn không lưu loát, ít có tinh thần học hỏi, cầu thị trong chuyên môn	vấn đề chuyên môn, không chịu học hỏi.
Năng lực chuyên môn	60	Hiểu biết tốt kiến thức chuyên môn; thao tác thành thạo các hoạt động chuyên môn; vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn vào hoạt động chuyên môn tại cơ sở; có khả năng tư vấn về chuyên môn	Có kiến thức chuyên môn; thao tác tương đối thành thạo các hoạt động chuyên môn; vận dụng được các kiến thức chuyên môn vào hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Thiếu kiến thức chuyên môn; thao tác không thành thạo các hoạt động chuyên môn; kém vận dụng được các kiến thức chuyên môn vào hoạt động chuyên môn tại cơ sở	Không có năng lực chuyên môn

Rubric 2. Đánh giá báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp

BÁO CÁO THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP					
Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Hình thức trình bày báo cáo	10	Trình bày đúng qui định về định dạng không mắc lỗi chính tả. Văn phong sáng sủa, mạch lạc	Còn một số sai sót về định dạng/lỗi chính tả. Văn phong khá sáng sủa, mạch lạc	Còn nhiều sai sót về định dạng/lỗi chính tả. Văn phong lủng củng nhưng vẫn có thể hiểu được	Trình bày không đúng định dạng, mắc nhiều lỗi chính tả. Nhiều chỗ thiếu rõ ràng gây khó hiểu
Đặt vấn đề	10	Trình bày rõ ràng và thuyết phục về sự cần thiết thực tập nghề nghiệp,	Nêu được sự cần thiết thực tập nghề nghiệp, lý do chọn cơ sở	Trình bày chưa đầy đủ về sự cần thiết thực tập nghề nghiệp,	Không nêu được sự cần thiết thực tập nghề nghiệp, lý do chọn cơ

		lý do chọn cơ sở thực tập, mục đích thực tập.	thực tập, mục đích thực tập	lý do chọn cơ sở thực tập, mục đích thực tập.	sở thực tập, mục đích thực tập.
Giới thiệu cơ sở thực tập	20	Giới thiệu rõ ràng và đầy đủ về cơ sở thực tập, phân tích sâu sát thực trạng và định hướng phát triển của cơ sở	Giới thiệu rõ ràng về cơ sở thực tập, có phân tích thực trạng và định hướng phát triển của cơ sở nhưng còn một điểm quan trọng	Có giới thiệu về cơ sở thực tập và phân tích thực trạng và định hướng phát triển của cơ sở nhưng còn bỏ sót nhiều điểm quan trọng	Giới thiệu không rõ ràng và đầy đủ về cơ sở thực tập, không phân tích được thực trạng và định hướng phát triển của cơ sở
Các hoạt động và kết quả thực tập	50	Báo cáo đầy đủ các hoạt động thực tập tại cơ sở và phân tích, đánh giá được những kinh nghiệm thu được qua kỳ thực tập	Báo cáo khá đầy đủ các hoạt động thực tập tại cơ sở và phân tích, đánh giá được phần lớn những kinh nghiệm thu được qua kỳ thực tập	Báo cáo tương đối đầy đủ các hoạt động thực tập tại cơ sở, chưa phân tích, đánh giá được những kinh nghiệm thu được qua kỳ thực tập	Báo cáo chưa đầy đủ các hoạt động thực tập tại cơ sở và chưa phân tích, đánh giá được những kinh nghiệm thu được qua kỳ thực tập
Kết luận	10	kết luận ngắn gọn, rõ ràng, rút ra được các bài học kinh nghiệm sâu sắc	kết luận ngắn gọn, rõ ràng, rút ra được một số bài học kinh nghiệm có giá trị	Kết luận hợp lý nhưng dài dòng, rút ra được rất ít bài học kinh nghiệm có giá trị	Kết luận không phù hợp với kết quả đạt được, không nêu được bài học kinh nghiệm có giá trị

Rubric 3. Đánh giá hồ sơ thực tập nghề nghiệp

HỒ SƠ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP					
Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Đánh giá chéo của sinh viên trong nhóm	10	Đầy đủ số phiếu đánh giá và bảng tổng hợp	Không đầy đủ số phiếu, có bảng tổng hợp	Không đầy đủ số phiếu, không có bảng tổng hợp	Không có phiếu đánh giá chéo

		kết quả đánh giá chéo			
Đánh giá của giáo viên hướng dẫn cơ sở	10	Có phiếu đánh giá của giáo viên cơ sở			Không có phiếu đánh giá của giáo viên cơ sở
Kế hoạch thực tập	30	Có kế hoạch thực tập đầy đủ, rõ ràng, khả thi	Có kế hoạch thực tập khá đầy đủ, rõ ràng, khả thi, còn một ít thiếu sót	Có kế hoạch thực tập tương đối đầy đủ, rõ ràng, khả thi, còn nhiều thiếu sót	Có kế hoạch thực tập không khả thi hoặc không có kế hoạch
Nhật ký thực tập nhóm và cá nhân	20	Có nhật ký thực tập đầy đủ, rõ ràng	Có nhật ký thực tập khá đầy đủ, rõ ràng, còn thiếu sót nhỏ	Có nhật ký thực tập nhưng không đầy đủ, không rõ ràng	Không có nhật ký thực tập
Số liệu thô	20	Số liệu đầy đủ, phong phú, đáng tin cậy	Số liệu khá đầy đủ, đáng tin cậy	Số liệu ít, sơ sài, không đầy đủ.	Không có số liệu thô
Báo cáo nhóm	10	Có báo cáo nhóm			Không có báo cáo nhóm

Rubric 4. Đánh giá THUYẾT TRÌNH (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8.5 – 10 điểm	Khá 6.5 – 8.4 điểm	Trung bình 4.0 – 6.4 điểm	Kém 0 – 3.9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng	10	Dẫn dắt vấn	Trình bày rõ	Khó theo dõi	Trình bày

trình bày		đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

5. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

Thực tập tại cơ sở: sinh viên phải thực tập tại cơ sở theo đúng thời gian qui định của Học viện và của cơ sở thực tập. Nếu vắng mặt 1 buổi trở lên không xin phép và không có lý do chính đáng sẽ không đạt yêu cầu và phải thực tập lại.

Nộp hồ sơ TTNN và báo cáo: Đúng hạn, không nhận hồ sơ và báo cáo nộp trễ hạn

Tham dự seminar: Tất cả sinh viên phải tham dự báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp tại buổi seminar do giáo viên hướng dẫn của Khoa tổ chức. Vắng mặt phải có lý do chính đáng.

Yêu cầu về đạo đức: sinh viên phải tuân thủ mọi nội qui, qui định của Học viện và của cơ sở thực tập và hành xử đúng mực tại cơ sở thực tập. Nếu vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị trừ điểm hoặc phải thực tập lại.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình/Bài giảng:

Hướng dẫn thực hiện TTNN

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn 2018, 2019

Trực tuyến: <http://www.tapchikhoahocnongnghiep.vn/>

2. Tạp chí công nghệ sinh học 2019

Trực tuyến: <http://www.vjol.info/index.php/TCSH1>

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung
1	<i>Xây dựng kế hoạch thực tập theo nhóm</i>
	A/ Nội dung làm việc nhóm - Thành lập nhóm từ 6 - 8 sinh viên - Phân công trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên - Liên hệ cơ sở thực tập - Thảo luận với giáo viên hướng dẫn để xây dựng kế hoạch thực tập chi tiết cho 2,5 tuần thực tập.
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà Tìm hiểu qui trình sản xuất các loại sản phẩm liên quan đến CNSH đang triển khai tại cơ sở thực tập Ghi chép nhật ký hằng ngày
1	<i>Tìm hiểu thực tiễn nghề nghiệp (cơ sở thực tập)</i>
	A/ Các nội dung thực tập tại cơ sở - Thu thập các thông tin về cơ sở thực tập: lịch sử thành lập và phát triển cơ quan, qui mô, cơ cấu tổ chức, loại hình hoạt động, các hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm CNSH - Tìm hiểu về chức năng và nhiệm vụ của các phòng/ban/đơn vị trực thuộc cơ quan và các vị trí công việc trong cơ quan, yêu cầu đối với các vị trí công việc; nhu cầu tuyển dụng của cơ quan... - Tìm hiểu về những khó khăn, thuận lợi đối với hoạt động của cơ quan và phương hướng phát triển của cơ quan trong thời gian tới. - Tìm hiểu những qui định của luật pháp có liên quan đến lĩnh vực thực tập, nội qui, qui định của cơ sở thực tập
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà: Tổng hợp và xử lý các thông tin đã thu thập được, viết báo cáo Ghi chép nhật ký hằng ngày
1	<i>Tìm hiểu qui trình sản xuất áp dụng tại cơ sở thực tập</i>
	A/ Các nội dung thực tập tại cơ sở Tìm hiểu về các hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực tập Tìm hiểu về qui trình CNSH đang áp dụng tại cơ sở
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà Tìm hiểu thông tin liên quan đến các hoạt động chuyên môn tại cơ sở thực tập Ghi chép nhật ký hằng ngày
1-2	<i>Tham gia thực hiện các công việc chung và công việc chuyên môn tại cơ sở thực tập</i>
	A/ Các nội dung thực tập tại cơ sở - Tham gia các công việc chung của cơ sở thực tập - Tham gia các công việc chuyên môn: sản xuất trồng trọt, thu hoạch và xử lý sau thu hoạch; nghiên cứu khoa học về sản xuất trồng trọt; chọn tạo và sản xuất giống cây

	trồng...
	B/ Các nội dung cần tự học ở nhà Ghi chép nhật ký thực tập; tổng kết các công việc đã thực hiện và rút kinh nghiệm; báo cáo tiến độ cho giáo viên hướng dẫn
3	Tổng hợp và xử lý số liệu, viết và trình bày báo cáo kết quả thực tập nghề nghiệp của nhóm A/ Nội dung làm việc nhóm - Tổng hợp và xử lý số liệu - Phân tích số liệu và viết báo cáo - Trình bày báo cáo bằng trình chiếu ppt tại seminar - Thảo luận kết quả thực tập tại seminar
3	Tổng kết, đánh giá kết quả thực tập nghề nghiệp - Tổng kết kết quả thực tập nghề nghiệp - Đề xuất, kiến nghị, rút kinh nghiệm đối với Học viện, Khoa, cơ sở thực tập và sinh viên để nâng cao hiệu quả thực tập nghề nghiệp.

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Cơ sở thực tập: Khoa giới thiệu với SV danh sách các cơ quan/doanh nghiệp hoạt động về lĩnh vực CNSH, có khả năng tiếp nhận, hướng dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên hoàn thành tốt đợt thực tập nghề nghiệp.
- Sinh viên nắm quy định thực tập nghề nghiệp thông qua họp phổ biến trước khi đăng ký học phần và trên website của Khoa
- Hệ thống E-learning/MS Team hoạt động tốt

X. Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 25/7/2016
- Lần 2: 31/7/2017
- Lần 3: 30/7/2018
- Lần 4: 29/7/2019

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2019
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký và ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC

THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Học hàm, học vị: Tiến sỹ
Địa chỉ cơ quan: Khoa CNSH, Học viện Nông nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0968210990
Email: ntthanh.sh@vnua.edu.vn	Trang web: http://www.vnua.edu.vn/khoa/cnsh/index.php/vi/
Cách liên lạc với giảng viên: Sinh viên có thể liên lạc với giảng viên theo điện thoại và địa chỉ email; lịch tiếp sinh viên tư vấn học tập mà giảng viên thông báo hoặc đặt lịch gặp trực tiếp với giảng viên	

Giảng viên giảng dạy học phần: tất cả các giảng viên Khoa Công nghệ sinh học và Giảng viên thỉnh giảng đáp ứng các yêu cầu theo quy định của HV